

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2022

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Vũ Hồng N, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm M, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện nay: Hiện đang lao động xuất khẩu ở nước X. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Hùng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Hồng N được tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục. Cả hai đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2018, chị N đã tự ý đi lao động xuất khẩu tại nước X. Khi mới sang chị N còn giữ liên lạc với gia đình, một thời gian sau chị N không còn liên lạc về cho anh nữa. Mâu thuẫn vợ chồng cũng phát sinh từ đó và ngày càng căng thẳng, không thể hàn gắn được. Nay anh xác định giữa vợ chồng không còn tình cảm nên

quyết định ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống. Về địa chỉ hiện nay của chị N ở nước ngoài, anh hoàn toàn không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/5/2017. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con. Do hiện nay chị N đang ở nước ngoài, nên anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Vũ Văn S và bà Vũ Thị L (là bố mẹ đẻ của chị Vũ Hồng N), có địa chỉ Xóm M, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, ông bà có thông tin cho chị N biết được việc anh C đang yêu cầu xin ly hôn với chị, thì chị N có gọi điện về trao đổi lại với nội dung như sau: *“Về quan hệ hôn nhân chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh C xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/5/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, còn nếu anh C xin nuôi con thì chị cũng nhất trí do hiện nay chị đang ở nước ngoài. Về cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị giải quyết. Hiện nay chị đang ở nước ngoài không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với anh C được chị có nguyện vọng giải quyết vắng mặt chị trong vụ án này trên quan điểm chị đã trình bày”*.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, cho anh C được ly hôn với chị N; Con chung là Nguyễn Anh T, sinh năm 2017 giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị N do anh C không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Anh C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 4863/QLXNC-P5 ngày 10/3/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định: Công dân Vũ Hồng N có thông tin xuất cảnh ngày 05/6/2019 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin

nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên,.

Nguyên đơn, anh Nguyễn Hùng C chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị N ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị N ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị N là ông Vũ Văn S và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ của chị N), có đủ căn cứ xác định chị N vẫn liên hệ với gia đình nhưng gia đình cũng không cung cấp được địa chỉ của chị N và chị N cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ chị N hiện nay ở nước ngoài nhưng gia đình chị N cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị N. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Hùng C và chị Vũ Hồng N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Theo anh C, sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc, vui vẻ. Năm 2018 do chị N tự ý đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản nên mâu thuẫn giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh. Khi mới sang nước X chị N còn liên lạc với gia đình, nhưng sau đó chị N cắt hoàn toàn liên lạc không gọi điện về cho anh nữa, mâu thuẫn vợ chồng cũng ngày càng căng thẳng đến mức không thể hàn gắn được, sự quan tâm thăm hỏi đến nhau cũng không có, nên anh xin được ly hôn để ổn định cuộc sống. Phía bị đơn chị N, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố mẹ đẻ của chị N), cũng đã xác định được việc anh C trình bày về mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Hiện chị N đã không còn liên lạc và cũng không còn tình cảm với anh C, việc anh C xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị N đã thực sự trầm trọng, hai bên không còn tình cảm, không còn sự quan tâm và thương yêu nhau, cũng không ai có ý muốn tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này, mục đích hôn nhân theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam các bên đều không thực hiện được, có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho anh C và chị N, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, cho anh C được ly hôn với chị N là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.2.] Về con chung: Anh C và chị N có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/5/2017. Khi ly hôn anh C có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu

chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Xét thấy, hiện chị N đang không có mặt tại Việt Nam, để đảm bảo sự ổn định và điều kiện tốt nhất của con trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/5/2017 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, cũng đảm bảo đúng quy định của pháp luật tại Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh C không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3.] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị N không có lời khai chính thức bằng văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm về đường lối giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Hùng C với chị Vũ Hồng N. Anh Nguyễn Hùng C được ly hôn với chị Vũ Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/5/2017 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N do anh C không yêu cầu.

Chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Hùng C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000084 ngày 29/3/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Chị N được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy